

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Lệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Chu Hạ Uyên.
- Bà Lê Ngọc Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Thanh T**, sinh năm 1992. Địa chỉ: **số E, tổ A, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn H**, sinh năm 1986. Địa chỉ thường trú: **ấp L, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.** Chỗ ở hiện nay: **tổ D, ấp R, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.**

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2024, các lời khai bổ sung nguyên đơn chị **Võ Thị Thanh T** trình bày:

Chị và anh **Lê Văn H** tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc, thời gian sau mới bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh **H** thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc, ngoài ra anh **H** còn ngăn cấm chị **T** về quê thăm cha mẹ ruột, chị **T** khuyên răn nhưng anh **H** không thay đổi mà còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị ly thân từ tháng 5/2024. Nay chị **T** xác định không còn tình cảm với anh **H** nên yêu cầu được ly hôn.

Anh chị có 01 con chung tên **Lê Thị Ái N**, sinh ngày 06/5/2021, khi ly hôn chị **T** yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ: Căn cước công dân; tự khai; giấy chứng nhận kết hôn; đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; đơn yêu cầu không hòa giải; đơn xin xác nhận; giấy khai sinh.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2024, bị đơn anh Lê Văn H trình bày:*

Anh H thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn anh cho rằng do chị T không đồng ý cho anh đi làm xa nên từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, anh thừa nhận có tính gia trưởng không cho chị H về quê thăm mẹ, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn do vẫn còn yêu thương vợ con.

Anh chị có 01 con chung là cháu Lê Thị Ái N, sinh ngày 06/5/2021, nếu ly hôn anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ: đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cước công dân.

- *Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:* Không có.

- *Ý kiến của kiểm sát viên:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Tòa án và đương sự trong việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chị T và anh H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh chị là đúng quy định.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, do mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng không hàn gắn được. Giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, tạm thời anh H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Chị T chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Võ Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Văn H nên xác định chị T là nguyên đơn, anh H là bị đơn trong vụ án. Do chị T và anh H có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh chị.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Võ Thị Thanh T và anh Lê Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua lời khai của anh chị thì thấy cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn kéo dài và đã ly thân từ tháng 5/2024. Chị T đã nộp đơn ly hôn lần đầu vào tháng 5/2024 và đưa con về quê ở C, Tiền Giang sinh sống, sau đó chị rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không đoàn tụ được, anh H vẫn đi làm xa không chăm lo gì cho gia đình. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận có tính gia trưởng, cấm cản chị T về quê thăm mẹ, khi Toà án mời làm việc thì anh không thể hiện thiện chí hoà giải, dù không muốn ly hôn nhưng anh xin vắng mặt chứ không đến Toà án tham gia hoà giải, không cung cấp chứng cứ về điều kiện nuôi con. Chị T thì kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy giữa anh

chị mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn nên chấp nhận cho chị **T** ly hôn với anh **H**.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: anh chị đều yêu cầu được nuôi con chung nhưng xét thấy cháu **N** hiện còn nhỏ, đang sống với chị **T**, anh **H** có yêu cầu nuôi con nhưng không cung cấp chứng cứ về điều kiện nuôi con của mình. Anh **H** thường đi làm xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con chung nên tiếp tục giao cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo việc phát triển tốt mọi mặt cho con chung. Do chị **T** không yêu cầu nên tạm thời anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị **T** và anh **H** khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố **L** phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Võ Thị Thanh T** ly hôn anh **Lê Văn H**.

- Về con chung: Giao cháu **Lê Thị Ái N**, sinh ngày 06/5/2021 cho chị **Võ Thị Thanh T** trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh **Lê Thanh H1** không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh **Lê Thanh H1** được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, anh **H1**, chị **T** được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị **Võ Thị Thanh T** phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu số 0005457 ngày 01 tháng 7 năm 2024 thành tiền án phí, chị **T** đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Mỹ Lệ